

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 501/2025/DS-ST
Ngày: 03 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

2. Ông Hoàng Bá Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Duy Bảo Chính - Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1390/2024/DSST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1233/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV; địa chỉ trụ sở: Số 89 đường L, phường Đ (phường L, quận Đức) Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số 96 đường C, phường B (Phường 4, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị T, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 96 đường C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 325/2025/UQ-VPB ngày 20/7/2025).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 109/11/9 Đường số 4, phường A (Phường 16, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá

trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Anh Tuấn và Bà Võ Thị T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV (gọi tắt là Ngân hàng) và Bà Huỳnh Thị Thu T và ký các Hợp đồng tín dụng sau:

a) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số DSA/VN00010325/20220239 ngày 18/02/2022 (còn gọi là Hợp đồng số LD2205500127).

Số tiền vay: 150.000.000 đồng;

Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ 24/02/2022 đến ngày 15/02/2026);

Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/1 năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng;

Mục đích vay: tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Huỳnh Thị Thu T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 66,703,952 đồng, bao gồm tiền gốc: 31,629,030 đồng và tiền lãi: 35,074,922 đồng.

Tính đến ngày 03/9/2025, bà T còn nợ số tiền nợ gốc: 118,370,970 đồng; nợ lãi: 95,610,016 đồng; tổng cộng: 213,980,986 đồng.

b) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số DSA/VN0010325/20220939 ngày 26/9/2022 (còn gọi là Hợp đồng số LD2227200561).

Số tiền vay: 150,000,000 đồng;

Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 29/9/2022 đến ngày 05/9/2025);

Lãi suất cho vay trong hạn: 27%/1 năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng;

Mục đích vay: tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Huỳnh Thị Thu T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 38,455,064 đồng bao gồm tiền gốc: 17,480,475 đồng và tiền lãi: 20,974,589 đồng.

Tính đến ngày 03/9/2025, bà T còn nợ số tiền nợ gốc: 132,519,525 đồng; nợ lãi: 129,903,626 đồng; tổng cộng: 262,423,151 đồng.

c) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSAVN001032520221139 ngày 23/11/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2232901233).

Số tiền vay: 149,000,000 đồng;

Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ 25/11/2022 đến ngày 15/11/2026);

Lãi suất cho vay trong hạn: 28%/1 năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng;

Mục đích vay: tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Huỳnh Thị Thu T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 25,986,562 đồng bao gồm tiền gốc: 10,228,540 đồng và tiền lãi: 15,758,022 đồng.

Tính đến ngày 03/9/2025, bà T còn nợ số tiền nợ gốc: 138,771,460 đồng; nợ lãi: 141,275,429 đồng; tổng cộng: 280,046,889 đồng.

d) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số DS AVN 001032520221139 ngày 28/11/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2233401079).

Số tiền vay: 149.000.000 đồng;

Thời hạn cho vay: 48 tháng (từ 30/11/2022 đến ngày 15/11/2026);

Lãi suất cho vay trong hạn: 28%/1 năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Mục đích vay: tiêu dùng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Bà Huỳnh Thị Thu T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 21,317,072 đồng bao gồm 7,081,425 đồng tiền gốc và 14,235,647 đồng tiền lãi.

Tính đến ngày 03/9/2025, bà T còn nợ số tiền nợ gốc: 141,918,575 đồng; nợ lãi: 144,479,330 đồng; tổng cộng: 286,397,905 đồng.

e) Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số 325-P-9120065 ngày 16/7/2022 có hạn mức: 100.000.000 đồng.

Tính đến ngày 03/9/2025, bà T còn nợ số tiền nợ gốc: 99,931,961 đồng; nợ lãi: 155,378,434 đồng; tổng cộng: 255,310,396 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, Bà Huỳnh Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/5/2023.

Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

- Bà Huỳnh Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên là 1,298,159,327 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc: 631,512,492 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 03/9/2025: 666,646,835 đồng

- Bà Huỳnh Thị Thu T phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Bị đơn – Bà Huỳnh Thị Thu T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng. Bà T cư trú tại quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Bà T hẩm có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T nhưng bà T vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án

giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Căn cứ vào các Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số DSA/VN00010325/20220239 ngày 18/02/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số DSA/VN0010325/20220939 ngày 26/9/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số DSAVN001032520221139 ngày 23/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử hợp đồng số số DSAVN 001032520221139 ngày 28/11/2022; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử số 325-P-9120065 ngày 16/7/2022; bảng tóm tắt sao kê thẻ và chi tiết tính lãi tiền vay quá hạn đối với các khoản vay của bà T tính đến ngày 03/9/2025 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng yêu bà T trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 666,646,835 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định theo hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 04/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu bà T trả nợ gốc và nợ lãi ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Bà Huỳnh Thị Thu T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV tổng số nợ là 1,298,159,327 (một tỷ hai trăm chín mươi tám triệu một trăm năm mươi chín ngàn ba trăm hai mươi bảy) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó: nợ gốc là 631,512,492 (sáu trăm ba mươi một triệu năm trăm mười hai ngàn bốn trăm chín mươi hai) đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 03/9/2025: 666,646,835 (sáu trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 04 tháng 9 năm 2025, bà T tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần VNTV được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 21,486,804 (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm lẻ bốn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P số 0056706 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T phải nộp số tiền án phí là 50,944,780 (năm mươi triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi) đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

Thành viên
Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

